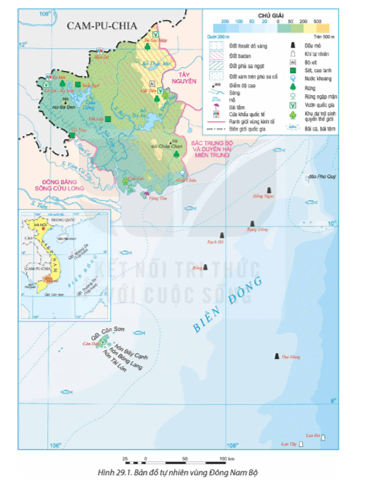
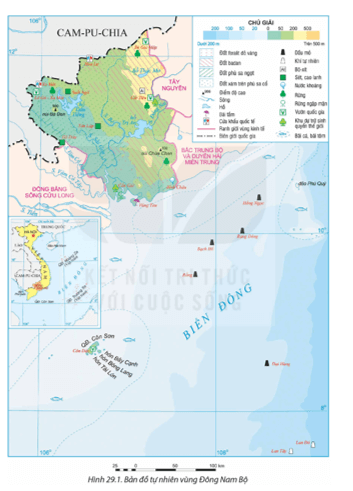
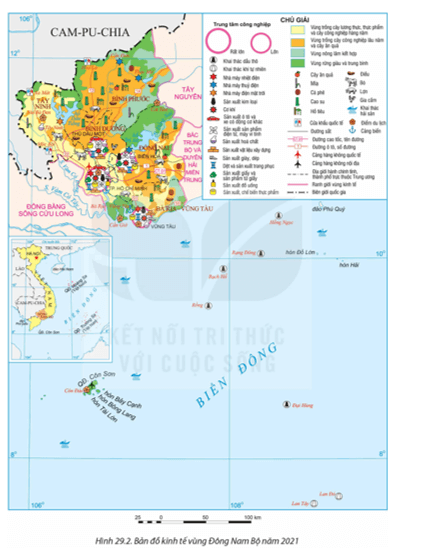
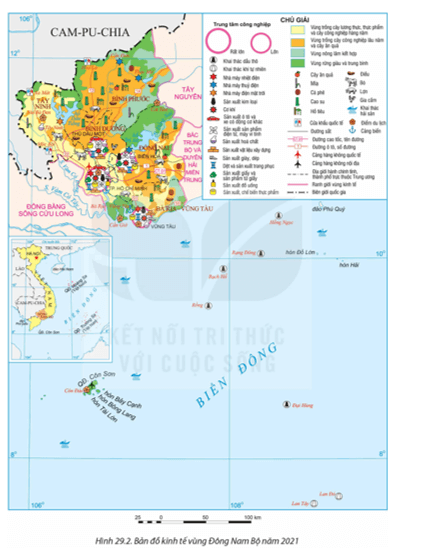
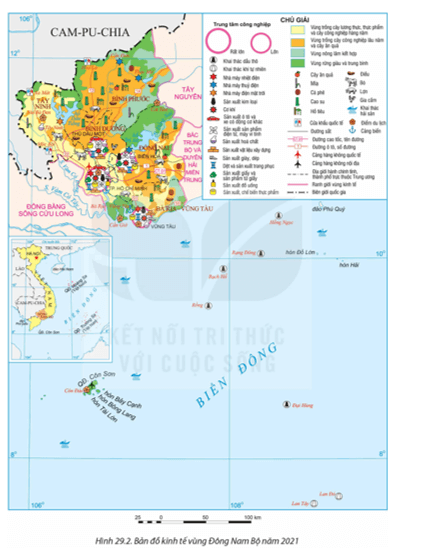
# Bài 29: Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ

**Giải Địa lí 12 Bài 29: Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ**  
**Giải Địa lí 12 trang 135**  
**Mở đầu trang 135 Địa Lí 12**: Với nhiều thế mạnh nổi trội, Đông Nam Bộ trở thành một trong những vùng phát triển kinh tế hàng đầu và có vị trí, vai trò quan trọng đối với cả nước. Vậy những thế mạnh đó là gì? Các ngành kinh tế trong vùng phát triển ra sao? Việc phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ cần lưu ý đến vấn đề bảo vệ môi trường như thế nào?  
**Lời giải:**  
- Thế mạnh:  
+ Về điều kiện tự nhiên: địa hình tương đối bằng phẳng, đất bdan và đất xám phù sa cổ, đất phù sa ở hạ lưu sông; khí hậu cận xích đạo nền nhiệt cao, ít thay đổi, 2 mùa mưa – khô rõ rệt; hệ thống sông có giá trị thủy lợi, các hồ thủy lợi lớn; diện tích rừng có giá trị, các vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển; khoáng sản dầu mỏ và khí tự nhiên, bô-xít, sét, cao lanh, đá xây dựng,…; vùng biển giàu tiềm năng, dầu khí, hải sản, bãi tắm,…  
+ Về kinh tế - xã hội: dân đông, lao động dồi dào nhiều kinh nghiệm; cơ sở hạ tầng, vật chất – kĩ thuật đồng bộ, hiện đại; chính sách, đầu tư và khoa học – công nghệ; có TP Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt.  
- Sự phát triển các ngành kinh tế:  
+ Công nghiệp: chiếm tỉ trọng cao, chuyển dịch theo hướng hiện đại, cơ cấu ngành đa dạng: khai thác và chế biến dầu khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; dệt, sản xuất trang phục; sản xuất hóa chất; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy,…  
+ Dịch vụ: phát triển nhanh, tăng về quy mô và chiếm tỉ trọng cao, đa dạng lĩnh vực dịch vụ: giao thông vận tải, thương mại, du lịch, bưu chính viễn thông.  
+ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước; lâm nghiệp có ý nghĩa kinh tế và môi trường; sản lượng thủy sản chiếm gần 6% cả nước.  
- Lưu ý vấn đề bảo vệ môi trường: ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, biển.  
**I. Khái quát**  
  
**Câu hỏi trang 135 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 1 và hình 29.1, hãy:  
- Xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ vùng Đông Nam Bộ.  
- Trình bày những lợi thế về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ.  
  
**Lời giải:**  
- Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ:  
+ Gồm TP Hồ Chí Minh và 5 tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu. Diện tích năm 2021 là 23,6 nghìn km2.  
+ Tiếp giáp Cam-pu-chia, giáp vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Tây Nguyên, Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; có vùng biển rộng với một số đảo, quần đảo, lớn nhất là quần đảo Côn Sơn.  
- Lợi thế về vị trí địa lí:  
+ Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có TP Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế và là đầu mối giao thông lớn bậc nhất cả nước.  
+ Vị trí địa lí thuận lợi cho vùng phát triển kinh tế, đẩy mạnh liên kết kinh tế với các vùng kinh tế khác, mở rộng giao thương quốc tế.  
  
**Câu hỏi trang 135 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 2, hãy nêu một số đặc điểm nổi bật về dân số vùng Đông Nam Bộ.  
**Lời giải:**  
- Năm 2021, số dân là 18,3 triệu người, chiếm 18,6% dân số cả nước. Tỉ lệ tăng tự nhiên thấp 0,98% năm 2021. Do tăng cơ học nên vùng có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất cả nước.  
- Mật độ dân số của vùng cao, 778 người/km2, tỉ lệ dân thành thị năm 2021 là 66,4%, cao nhất cả nước.  
- Nhiều dân tộc sinh sống: Kinh, Hoa, Khơ-me, Chăm,…  
**II. Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế**  
**Câu hỏi trang 137 Địa Lí 12**: Dựa vào nội dung mục 1 và hình 29.1, hãy phân tích những thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên cho phát triển kinh tế của Đông Nam Bộ.  
  
**Lời giải:**  
- Thế mạnh:  
+ Địa hình và đất: địa hình tương đối bằng phẳng thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị,… Đất badan và đất xám phù sa cổ chiếm 80% diện tích. Ngoài ra còn có đất phù sa ở hạ lưu các sông Đồng Nai, Vàm Cỏ,… Các loại đất thích hợp trồng cây công nghiệp, hình thành vùng chuyên canh quy mô lớn.  
+ Khí hậu: mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm, phân 2 mùa mưa – khô rõ rệt, thuận lợi phát triển nông nghiệp nhiệt đới và các hoạt động kinh tế khác.  
+ Nguồn nước: hệ thống sông Sài Gòn, sông Bé,… có giá trị về thủy lợi, phát triển giao thông vận tải; sông Đồng Nai có giá trị lớn nhất về thủy điện. Các hồ thủy điện, hồ thủy lợi lớn như hồ Dầu Tiếng, Phước Hòa,… Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.  
+ Rừng: diện tích và trữ lượng rừng không lớn, song có giá trị cung cấp gỗ dân dụng, nguyên liệu giấy. Hệ thống rừng có giá trị bảo tồn như: Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ và các vườn quốc gia Nam Cát Tiên, Bù Gia Mập, Lò Gò – Xa Mát, Côn Đảo.  
+ Khoáng sản nổi bật là dầu mỏ và khí tự nhiên ở thềm lục địa thuộc các bể trầm tích Cửu Long, Nam Côn Sơn. Còn có bô-xít, sét, cao lanh, đá xây dựng, ốp lát, cát trắng.  
+ Vùng biển giàu tiềm năng dầu khí, hải sản; bãi tắm đẹp, cảnh quan đảo đặc sắc,… phát triển tổng hợp kinh tế biển.  
- Hạn chế:  
+ Mùa khô kéo dài 4 – 5 tháng, gây thiếu nước cho các hoạt động sản xuất, sinh hoạt.  
+ Tác động của biến đổi khí hậu, hiện tượng ngập úng do triều cường, xâm nhập mặn ở vùng ven biển ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt trong vùng.  
**Câu hỏi trang 138 Địa Lí 12**: Dựa vào nội dung mục 2 và hiểu biết của bản thân, hãy phân tích những thế mạnh và hạn chế về điều kiện kinh tế - xã hội cho phát triển kinh tế của Đông Nam Bộ.  
**Lời giải:**  
- Thế mạnh:  
+ Số dân đông, tỉ suất nhập cư cao, người nhập cư đa phần trong độ tuổi lao động, tạo cho vùng có nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất. Lao động năng động trong nền kinh tế thị trường, tỉ lệ đã qua đào tạo cao hơn mức TB cả nước, tạo khả năng nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế.  
+ Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kĩ thuật: phát triển đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.  
+ Chính sách, đầu tư và khoa học – công nghệ: nhiều chính sách linh hoạt trong thu hút đầu tư. Có số dự án và số vốn đầu tư nước ngoài luôn đứng đầu cả nước. Việc ứng dụng, chuyển giao khoa học – công nghệ được đẩy mạnh,…  
+ Có TP Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, giáo dục – đào tạo,… lớn hàng đầu cả nước, có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng.  
- Hạn chế: Việc nhập cư tập trung vào các đô thị lớn của vùng làm nảy sinh một số khó khăn về việc làm, nhà ở, các vấn đề xã hội khác và môi trường,…  
**III. Phát triển các ngành kinh tế**  
**Giải Địa lí 12 trang 141**  
**Câu hỏi trang 141 Địa Lí 12**: Dựa vào nội dung mục 1 và hình 29.2, hãy:  
- Trình bày sự phát triển công nghiệp của Đông Nam Bộ.  
- Xác định tên các ngành công nghiệp ở một số trung tâm công nghiệp của vùng.  
  
**Lời giải:**  
- Sự phát triển công nghiệp:  
+ Năm 2021, khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP, riêng công nghiệp chiếm 37,9%. Tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 31,7% tổng giá trị sản xuất công nghiệp cả nước.  
+ Cơ cấu công nghiệp theo nhóm ngành chuyển dịch theo hướng hiện đại hơn. Giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng (còn hơn 4%), tăng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (đạt hơn 90% năm 2021).  
+ Các ngành công nghiệp đa dạng, nổi trội là:  
• Công nghiệp khai thác và chế biến dầu, khí: là ngành công nghiệp mũi nhọn, giữ vai trò quan trọng đối với cả nước. Sản lượng khai thác dầu khí chiếm ưu thế sản lượng cả nước, cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy lọc dầu trong nước và xuất khẩu. Khí tự nhiên khai thác từ 2 nguồn (khí đồng hành từ khai thác mỏ dầu và khí tự nhiên từ các mỏ Lan Tây, Lan Đỏ). Là nguồn nhiên liệu ổn định, cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện lớn trong vùng và cho các ngành khác.  
• Công nghiệp sản xuất điện: gồm nhiệt điện, thủy điện, điện năng lượng tái tạo. Các nhà máy nhiệt điện chủ yếu chạy bằng nhiên liệu khí, lớn nhất là nhiệt điện Phú Mỹ (4000 MW), Bà Rịa, Thủ Đức, Hiệp Phước, Nhơn Trạch,… mở rộng công suất. Các nhà máy thủy điện gồm :Trị An (400 MW), Thác Mơ (150 MW), Cẩn Đơn (77,6 MW), cung cấp nguồn điện năng đáng kể. Các nguồn năng lượng tái tạo khác đang được chú ý phát triển, nhất là năng lượng mặt trời.  
• Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính phát triển mạnh, tập trung ở các trung tâm có vị trí thuận lợi cho xuất khẩu.  
• Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và công nghiệp sản xuất đồ uống được phát triển ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong vùng.  
• Công nghiệp dệt, sản xuất trang phục; công nghiệp sản xuất giày, dép phát triển từ lâu, các mặt hàng ngày càng đa dạng về mẫu mã, chất lượng, phục vụ xuất khẩu. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ hiện đại (tự động hóa, in 3D) nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.  
• Các ngành công nghiệp khác: sản xuất hóa chất, sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy, sản xuất kim loại, sản xuất ô tô và xe có động cơ khác,… được chú trọng phát triển.  
+ Có nhiều trung tâm công nghiệp quy mô lớn của cả nước: TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một,… có cơ cấu ngành đa dạng, nhiều ngành vai trò lớn với cả nước.  
- Tên các ngành công nghiệp ở một số trung tâm công nghiệp:  
+ Trung tâm công nghiệp TP Hồ Chí Minh: Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất hóa chất; sản xuất giày, dép; sản xuất đồ uống; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt và sản xuất trang phục; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; cơ khí; sản xuất kim loại; nhiệt điện.  
  
**Câu hỏi trang 141 Địa Lí 12**: Dựa vào nội dung mục 2 và hình 29.2, hãy trình bày tình hình phát triển các ngành dịch vụ vùng Đông Nam Bộ.  
  
**Lời giải:**  
Dịch vụ phát triển nhanh, ngày càng tăng về quy mô và chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GRDP của vùng (năm 2021). Các lĩnh vực dịch vụ đa dạng, phát triển hàng đầu cả nước.  
- Giao thông vận tải đầy đủ loại hình:  
+ Đường ô tô (các tuyến quốc lộ 1, 13, 51, 22, 14,…), các tuyến cao tốc được tăng cường và mở rộng như TP Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, các tuyến cao tốc đang được xây dựng như TP Hồ Chí Minh – Mộc Bài, Biên Hòa – Vũng Tàu,...  
+ Đường sắt: có tuyến đường sắt Thống Nhất  
+ Đường sông, đường biển (bến cảng Cát Lái, Cái Mép, Thị Vải,…) và đường hàng không (cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất năng lực vận chuyển đứng đầu cả nước, cảng hàng không quốc tế Long Thành đang được xây dựng).  
+ Giao thông vận tải chất lượng tốt, đảm bảo kết nối nội, ngoại vùng và thế giới. TP Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông lớn nhất vùng và cả nước.  
- Thương mại phát triển mạnh:  
+ Nội thương: năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đứng đầu cả nước (chiếm 27%). Là vùng phát triển sớm và nhanh các trung tâm thương mại lớn, siêu thị, thương mại điện tử,…  
+ Ngoại thương: trị giá xuất khẩu chiếm khoảng 34% tổng trị giá xuất khẩu cả nước 2021. TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai là các địa phương có trị giá xuất khẩu lớn, luôn đứng đầu trong vùng và cả nước.  
- Du lịch: ngày càng đóng vai trò quan trọng, năm 2020, lượng khách đạt 34,6 triệu lượt, năm 2021 do ảnh hưởng COVID-19 khách du lịch giảm mạnh, đến 2022, khách du lịch tăng trưởng mạnh, đạt trên 23,3 triệu lượt, chiếm gần 23% cả nước. Loại hình du lịch nổi bật là: du lịch đô thị, du lịch sinh thái,… TP Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch lớn nhất cả nước, một số điểm thu hút khách du lịch khác như: Vũng Tàu, núi Bà Đen, cửa khẩu Mộc Bài, hồ Dầu Tiếng,…  
- Bưu chính viễn thông: phát triển sớm và mạnh nhất so với các vùng khác, đi đầu trong chuyển đổi số, đầu tư vào công nghệ cao. Tài chính ngân hàng phát triển mạnh, đa dạng loại hình kinh doanh: hệ thống ngân hàng, sàn giao dịch chứng khoán, bảo hiểm,… thúc đẩy phát triển kinh tế vùng.  
**Câu hỏi trang 143 Địa Lí 12**: Dựa vào nội dung mục 3 và hình 29.2, hãy trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở vùng Đông Nam Bộ.  
  
**Lời giải:**  
- Nông nghiệp:  
+ Là vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng đầu của cả nước, mức độ tập trung hóa sản xuất và trình độ thâm canh cao. Tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng năm 2021 là hơn 800 nghìn ha (chiếm 36% diện tích cả nước). Chủ yếu là: cao su, điều, hồ tiêu,… Cao su đứng đầu về diện tích của vùng và cả nước, diện tích điều đứng thứ 2 vùng và đứng đầu cả nước. Tập trung ở Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai,… Một số cây công nghiệp hàng năm như mía, lạc, ở Tây Ninh.  
+ Cây ăn quả ngày càng mở rộng về diện tích, đạt khoảng 129 nghìn ha năm 2021. Chủ yếu là: sầu riêng, xoài, bưởi, mít, chôm chôm,… Tập trung ở Đồng Nai chiếm hơn 50% diện tích cây ăn quả.  
+ Chăn nuôi: phát triển theo hướng công nghiệp, quy trình khép kín ứng dụng công nghệ cao với quy mô lớn. Số lượng đàn gia súc, gia cầm tăng qua các năm. Bò là vật nuôi quan trọng. Chủ yếu ở Tây Ninh và TP Hồ Chí Minh, chiếm khoảng 50% toàn vùng. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển mạnh những năm gần đây, chủ yếu ở Đồng Nai.  
- Lâm nghiệp: có ý nghĩa kinh tế và môi trường. Rừng sản xuất cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất giấy và gỗ gia dụng, sản lượng khai thác hàng năm khoảng 250 nghìn m3. Công tác quản lí hệ thống rừng phòng hộ được tăng cường. Các loại rừng đặc dụng được chú trọng bảo tồn dưới hình thức là các vườn quốc gia và các khu dự trữ sinh quyển, vừa bảo vệ đa dạng sinh học, vừa kết hợp khai thác phát triển du lịch sinh thái.  
- Thủy sản: năm 2021, tổng sản lượng thủy sản chiếm gần 6% cả nước, chủ yếu là lĩnh vực khai thác (chiếm 72,2% tổng sản lượng). Bà Rịa – Vũng Tàu chiếm tới 93,8% sản lượng thủy sản khai thác toàn vùng. Nuôi trồng thủy sản tập trung chủ yếu ở Đồng Nai và TP Hồ Chí Minh.  
**IV. Vấn đề bảo vệ môi trường**  
**Giải Địa lí 12 trang 144**  
**Câu hỏi trang 144 Địa Lí 12**: Dựa vào nội dung mục IV, hãy trình bày mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường ở vùng Đông Nam Bộ.  
**Lời giải:**  
- Phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường:  
+ Phát triển kinh tế trong vùng đặt ra nhiều thách thức đến vấn đề bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững như: sự phát triển công nghiệp tập trung dẫn đến gia tăng trình độ ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, biển; phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm cũng tác động xấu tới môi trường đất, nước,…  
+ Phát triển kinh tế theo hướng bền vững sẽ tác động tích cực và góp phần bảo vệ môi trường bền vững. Kinh tế phát triển tạo nguồn đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, thực hiện các dự án bảo vệ, cải tạo môi trường.  
- Bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội:  
+ Bảo vệ môi trường giúp các hoạt động kinh tế, đặc biệt các ngành công nghiệp, dịch vụ duy trì hoạt động và mang lại hiệu quả cao. Tạo ra môi trường trong lành cho các hoạt động xã hội, nhất là trong các đô thị lớn của vùng như TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa,…  
+ Giải quyết các vấn đề về quá tải hạ tầng, tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm ở các đô thị lớn sẽ giúp các hoạt động kinh tế - xã hội được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống dân cư được nâng cao,…  
+ Bảo vệ môi trường biển, triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tạo thuận lợi cho việc phát triển tổng hợp kinh tế biển của vùng.  
   
**Luyện tập trang 144 Địa Lí 12**: Chứng minh một số hoạt động kinh tế của vùng Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước.  
**Lời giải:**  
Một số hoạt động kinh tế của vùng Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước:  
- Đứng đầu cả nước về tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp (chiếm 31,7% cả nước). Sản lượng khai thác dầu khí đứng đầu cả nước.  
- Vùng có TP Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông lớn nhất cả nước.  
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của vùng đứng đầu cả nước (chiếm trên 27% cả nước).  
- Trị giá xuất khẩu luôn đứng vị trí hàng đầu cả nước.  
- Bưu chính viễn thông phát triển sớm và mạnh nhất so với các vùng khác, đi đầu trong chuyển đổi số, đầu tư vào công nghệ cao.  
- Là vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng đầu cả nước. Đứng đầu cả nước về diện tích cao su (58,7%) và điều (61,3%).  
- Lượng khách du lịch đứng đầu cả nước năm 2023 với hơn 65 triệu lượt khách, chiếm 54,2% tổng số khách du lịch của cả nước  
  
**Vận dụng trang 144 Địa Lí 12**: Tìm kiếm thông tin, viết bài giới thiệu về tiềm năng phát triển của một ngành kinh tế ở Đông Nam Bộ (du lịch biển, khai thác dầu khí, cây công nghiệp, cây ăn quả).  
**Lời giải:**  
Tiềm năng phát triển du lịch biển ở Đông Nam Bộ  
- Vùng Đông Nam Bộ có đường bờ biển dài 350km, nhiều bãi tắm đẹp như: Vũng Tàu, Long Hải, Côn Đảo... Khu vực này còn có nhiều tài nguyên du lịch sinh thái gắn liền với vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn, các khu rừng ngập mặn như: Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai, Khu Dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ.  
- Khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt cao, không có mùa đông lạnh, ít thay đổi trong năm, mùa khô kéo dài thuận lợi phát triển du lịch biển.  
- Vị trí nằm liền kề Đồng bằng sông Cửu Long, cửa ngõ phía Tây nối với các nước Campuchia, Thái Lan, Malaysia thông qua mạng lưới đường bộ xuyên Á, phía Đông có hệ thống cảng biển Sài Gòn, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thị Vải, khu vực Đông Nam Bộ giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là du lịch.  
- Với đường bờ biển dài, bãi cát thoai thoải, nước biển xanh trong, thành phố biển Vũng Tàu và huyện đảo Côn Đảo gồm nhiều hòn đảo lớn, nhỏ với cảnh quan đảo đặc sắc, Bà Rịa - Vũng Tàu có nhiều điểm đến thu hút du khách. Cần Giờ là huyện duy nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh giáp biển, có rừng ngập mặn được UNESCO công nhận là Khu Dự trữ sinh quyển thế giới đầu tiên của Việt Nam.  
- Mỗi địa phương có biển, đảo ở Đông Nam Bộ đều là nơi hình thành, lưu giữ nhiều nét văn hóa gắn với lịch sử, đời sống của cư dân địa phương. Đây được xem là những tài nguyên du lịch nhân văn rất độc đáo để các địa phương xây dựng, khai thác thành các sản phẩm du lịch đậm nét văn hóa bản địa.  
- Nhiều lễ hội dân gian của cư dân vùng biển đã được công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia. Tiêu biểu như Lễ hội nghinh Ông tại huyện Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh), Lễ hội nghinh Ông đình Thắng Tam (thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)  
**Xem thêm lời giải sách giáo khoa Địa lí lớp 12 Kết nối tri thức hay, chi tiết khác:**  
Bài 30: Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long  
Bài 31: Thực hành: Viết báo cáo về biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long  
Bài 32: Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm  
Bài 33: Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo  
Bài 34: Thực hành: Viết báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam